

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế

Năm học 2023 - 2024

1. Chỉ tiêu chất lượng học sinh.

1.1. Chất lượng các môn học:

Khối	Số sĩ số	H S K T	Số tính CL	TOÁN				TIẾNG VIỆT				TIẾNG ANH				TN-XH - KHOA HỌC			
				HTT		HT		HTT		HT		HTT		HT		HTT		HT	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
I	74	1	73	36	49,3	37	50,7	28	38,3	45	61,7	28	38,3	45	61,7	34	46,6	39	53,4
II	63	0	63	29	46	34	54	24	38,1	39	61,9	22	34,9	41	65,1	29	46	34	54
III	97	0	97	47	48,5	50	51,5	43	44,3	54	55,7	43	44,3	54	55,7	56	57,7	41	42,3
IV	67	0	67	40	59,7	27	40,3	40	59,7	27	40,3	30	44,8	37	55,2	40	59,7	27	40,3
V	70	1	69	41	59,4	28	40,6	39	56,5	30	43,5	37	53,6	32	46,4	35	50,7	34	49,7
Tổng	371	2	369	193	52,3	176	47,7	174	47,2	195	52,8	160	43,4	209	56,6	194	52,6	175	47,4

Khối	Số sĩ số	H S K T	Số tính CL	ÂM NHẠC				MĨ THUẬT				THỂ DỤC				TIN HỌC			
				HTT		HT		HTT		HT		HTT		HT		HTT		HT	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
I	74	1	73	34	46,6	39	53,4	34	46,6	39	53,4	34	46,6	39	53,4				
II	63	0	63	29	46	34	54	29	46	34	54	31	49,2	32	50,8				
III	97	0	97	50	51,5	47	48,5	50	51,5	47	48,5	50	51,5	47	48,5	50	51,5	47	48,5
IV	67	0	67	40	59,7	27	40,3	40	59,7	27	40,3	43	64,2	24	35,8	43	64,2	24	35,8
V	70	1	69	40	58,0	29	42,0	42	60,9	27	39,1	42	60,9	27	39,1	40	58,0	29	42,0
Tổng	371	2	369	193	52,3	176	47,7	195	52,8	174	47,2	200	54,2	169	45,8	133		100	

Khối	Số sĩ số	H S K T	Số tính CL	ĐẠO ĐỨC				THỦ CÔNG-KĨ THUẬT				LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ				HĐTN			
				HTT		HT		HTT		HT		HTT		HT		HTT		HT	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
I	74	1	73	40	54,8	33	45,2									40	54,8	33	45,2
II	63	0	63	31	49,2	32	50,8									29	46	34	54
III	97	0	97	56	57,7	41	42,3	56	57,7	41	42,3					56	57,7	41	42,3
IV	67	0	67	45	67,2	22	32,8	45	67,2	22	32,8	40	59,7	27	40,3	45	67,2	22	32,8
V	70	1	69	42	60,9	27	39,1	42	60,9	27	39,1	41	59,4	28	40,6				
Tổng	371	2	369	214	58	155	42	143		90		81		55		170		130	

1.2. Về năng lực, phẩm chất.

KHỐI	Số sĩ số	HSKT	Số tính CL	Phẩm chất						Năng lực					
				Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
I	74	1	73	35	47,9	38	52,1	0	0	34	46,6	39	53,4	0	0
II	63	0	63	35	55,6	28	44,4	0	0	28	44,4	35	55,6	0	0
III	97	0	97	60	61,8	37	38,2	0	0	51	52,6	46	48,4	0	0
IV	67	0	67	50	74,6	17	25,4	0	0	35	52,2	32	47,8	0	0
V	70	1	69	50	72,5	19	27,5	0	0	40	58,0	29	42,0	0	0
Tổng	371	2	369	230	62,3	139	37,7	0	0	188	50,9	181	49,1	0	0

1.3. Học sinh được khen thưởng:

Khối	Số	HSK	Số	- Học sinh Xuất sắc (Lớp 1, 2, 3, 4) - Hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện (Lớp 5)		Học sinh Tiêu biểu (Lớp 1, 2, 3, 4) ; Tiền bộ vượt bậc (lớp 5)	
				SL	%	SL	%
I	74	1	73	28	38,3	6	8,2
II	63	0	63	21	33,3	7	11,1
III	97	0	97	32	33,0	16	16,5
IV	67	0	67	25	37,3	9	13,4
V	70	1	69	28	40,6	10	14,5
Tổng	371	2	369	134	36,3	48	13

1.4. Chất lượng vở sạch, chữ đẹp

Khối	Số	HS	Số	A		B	
				SL	%	SL	%
I	74	1	73	56	76,7	17	23,3
II	63	0	63	52	82,5	11	17,5
III	97	0	97	78	80,4	19	19,6
IV	67	0	67	60	89,6	7	10,4
V	70	1	69	59	85,5	10	14,5
Tổng	371	2	369	305	82,7	64	17,3

1.5. Hoàn thành chương trình lớp học, HTCTTH

Khối	Số	HSK	Số	HTCTLH		HTCTTH	
				SL	%	SL	%
I	74	1	73	73	100		
II	63	0	63	63	100		
III	97	0	97	97	100		
IV	67	0	67	67	100		
V	70	1	69	69	100	69	100
Tổng	371	2	369	369	100	69	100

Chí Minh, ngày 5 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Huy Thành

